TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 30-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Phước.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Thu Trân là Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Trầm Phước T, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1986, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp dược sĩ; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T1; có vợ Lê Thị T2 (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/5/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST, xử phạt 02 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; bị cáo đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam K1 thuộc Bộ C theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số: 16/2023/QĐ-CA ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 02/7/1994.

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2021, Bị cáo Trầm Phước T là viên chức công tác tại Khoa Dược thuộc Trung tâm y tế huyện C và Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 02/7/1994; địa chỉ tại ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh có quen biết với nhau. Tháng 12 năm 2021, T3 mới sinh con nên nhờ T nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề dược, mặc dù T biết bản thân không đủ điều kiện để làm hồ sơ giúp T3 nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên T đã đồng ý làm cho T3 để chiếm đoạt tiền của bị hại.

Trầm Phước T truy cập mạng xã hội Facebook tìm địa chỉ làm giấy tờ giả thì gặp người tên T4 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). T4 yêu cầu T cung cấp lý lịch tư pháp, lý lịch tự thuật, bằng tốt nghiệp đại học dược, giấy khám sức khoẻ, căn cước công dân, đơn xin cấp chứng chỉ, còn lại các thủ tục khác thì T4 sẽ làm hết với giá trọn bộ hồ sơ là 8.000.000 đồng thì T đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại cho T3 cho biết chi phí làm chứng chỉ hành nghề dược là 11.000.000 đồng và T3 đồng ý. T yêu cầu T3 cung cấp cho T các tài liệu gồm: Lý lịch tư pháp, lý lịch tự thuật, bằng tốt nghiệp đại học dược, giấy khám sức khoẻ, căn cước công dân, đơn xin cấp chứng chỉ. T nói với T3 khoảng 45 ngày sẽ có chứng chỉ nếu có sẽ giao cho T3 sớm. T liên hệ và gặp T4 ở C, tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và đưa cho T4 toàn bộ các giấy tờ mà T3 đã đưa cho T. Khoảng 02 tuần sau, T4 điện thoại cho T nói đã nhờ người thanh niên giao hàng cho T trước cổng Trung tâm Y tế huyện C, T ra gặp thì được người này giao túi hồ sơ gồm có hợp đồng lao động, giấy xác nhận thời gian thực hành và Chứng chỉ hành nghề dược tên Nguyễn Thị Thanh T3 số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021. Khi nhận hồ sơ thì T đưa cho người thanh niên 8.000.000 đồng. Sau khi nhận được chứng chỉ hành nghề dược tên Nguyễn Thị Thanh T3 thì T gọi điện thoại cho T3 biết và gửi chứng chỉ hành nghề dược cho T3 theo địa chỉ mà T3 cung cấp (ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh) thì T3 chuyển khoản cho T số tiền là 11.000.000 đồng (khi nhận chứng chỉ hành nghề thì T3 hoàn toàn không biết là giấy tờ giả), T đã thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 05/02/2024, T3 đem Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021 đến Trung tâm hành chính công tỉnh S nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, đến ngày 07/3/2024 thì được thông báo Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021 không do Sở Y tế tỉnh S cấp, lúc này T3 mới biết đây là giấy tờ giả.

Ngày 15/3/2024, Sở Y tế tỉnh S ban hành kiến nghị khởi tố số 581/SYT-TTr và chuyển hồ sơ có dấu hiệu tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để xử lý theo quy định.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C quyết định trưng cầu giám định. Tại Bản kết luận giám định số 106/KLTL-KTHS ngày 24/4/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh S kết luận với nội dung:

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "SỞ Y TẾ" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên BSCKII. Trần Văn K trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Trần Văn K trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M3) không phải do cùng một người ký ra.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình và mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị T1 đã bồi thường đủ số tiền 11.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Thanh T3.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKS-CLD ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trầm Phước T về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hành vi cụ thể của bị cáo như sau:

Bị cáo đã có hành vi truy cập mạng xã hội tìm người nhờ làm giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng của bị hại Nguyễn Thị Thanh T3. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" với tình tiết định khung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động mẹ của bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại T3 là 11.000.000 đồng, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có người thân có công với nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng

điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt về hai tội trên của bị cáo và tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình và mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị T1 đã bồi thường đủ số tiền 11.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Thanh T3. Bị hại T3 không yêu cầu gì thêm, bà T1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo nên không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021, đây là tài liệu, chứng cứ trực tiếp liên quan đến vụ án, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và đã được Cơ quan điều tra lưu giữ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục lưu giữ tài liệu, chứng cứ này trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo không trình bày lời bào chữa cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, xét thấy bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại tại phiên tòa.

[2] **Về nội dung:**

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trầm Phước T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội

đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Bị cáo và bị hại Nguyễn Thị Thanh T3 có quen biết với nhau. Vào tháng 12 năm 2021, bị hại mới sinh con nên nhờ bị cáo nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề dược, mặc dù bị cáo biết bản thân không đủ điều kiện để làm hồ sơ giúp bị hại nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã đồng ý nhận làm cho bị hại để chiếm đoạt tiền của bị hại. Bị cáo truy cập mạng xã hội Facebook tìm địa chỉ làm giấy tờ giả thì gặp người tên T4 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). T4 yêu cầu bị cáo cung cấp lý lịch tư pháp, lý lịch tự thuật, bằng tốt nghiệp đại học dược, giấy khám sức khoẻ, căn cước công dân, đơn xin cấp chứng chỉ, còn lại các thủ tục khác thì T4 sẽ làm hết với giá trọn bộ hồ sơ là 8.000.000 đồng thì bị cáo đồng ý. Sau đó, bị cáo gọi điện thoại cho bị hại cho biết chi phí làm chứng chỉ hành nghề dược là 11.000.000 đồng và bị hại đồng ý. Bị cáo yêu cầu bị hại cung cấp cho bị cáo các tài liệu gồm: Lý lịch tư pháp, lý lịch tự thuật, bằng tốt nghiệp đại học dược, giấy khám sức khoẻ, căn cước công dân, đơn xin cấp chứng chỉ. Bị cáo nói với bị hại khoảng 45 ngày sẽ có chứng chỉ, nếu có sẽ giao cho bị hại sớm. Bị cáo liên hệ và gặp T4 ở C, tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và đưa cho T4 toàn bộ các giấy tờ mà bị hại đã đưa cho bị cáo. Khoảng 02 tuần sau, T4 điện thoại cho bị cáo nói đã nhờ người thanh niên giao hàng cho bị cáo trước cổng Trung tâm Y tế huyện C, bị cáo ra gặp thì được người này giao túi hồ sơ gồm có hợp đồng lao động, giấy xác nhận thời gian thực hành và Chứng chỉ hành nghề dược tên Nguyễn Thị Thanh T3 số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021. Khi nhận hồ sơ thì bị cáo đưa cho người thanh niên 8.000.000 đồng. Sau khi nhận được chứng chỉ hành nghề dược tên Nguyễn Thị Thanh T3 thì bị cáo gọi điện thoại cho bị hại biết và gửi chứng chỉ hành nghề dược cho bị hại theo địa chỉ mà bị hại cung cấp cho bị cáo, bị hại chuyển khoản cho bị cáo số tiền là 11.000.000 đồng, khi nhận chứng chỉ hành nghề thì bị hại hoàn toàn không biết là tài liệu giả, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 05/02/2024, bị hại đem Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021 đến Trung tâm hành chính công tỉnh S nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, thì đến ngày 07/3/2024, bị hại được thông báo Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021 không do Sở Y tế tỉnh S cấp, lúc này bị hại mới biết đây là giấy tờ giả. Ngày 15/3/2024, Sở Y tế tỉnh S ban hành kiến nghị khởi tố số 581/SYT-TTr và chuyển hồ sơ có dấu hiệu tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để xử lý theo quy định.

[4] Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C quyết định trưng cầu giám định đối với Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021. Tại Bản kết luận giám định số: 106/KLTL-KTHS ngày 24/4/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh S kết luận:

[4.1] - Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "SỞ Y TẾ" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

[4.2] - Chữ ký mang tên BSCKII. Trần Văn K trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Trần Văn K trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M3) không phải do cùng một người ký ra.

[5] Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021 do bị cáo nhờ người tên T4 làm và bị cáo giao cho bị hại T3 là tài liệu giả không do Sở Y tế tỉnh S cấp.

[6] Bị cáo đã có hành vi truy cập mạng xã hội tìm người nhờ làm giấy tờ giả tài liệu của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng của bị hại Nguyễn Thị Thanh T3. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi tội phạm ít nghiêm trọng nên hành vi của bị cáo thuộc tình tiết định khung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[7] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố bị cáo về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật và chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị chế tài của pháp luật hình sự xử phạt, nhưng chỉ vì mong muốn có tiền phục vụ cho mục đích tiêu xài cá nhân mà bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, giấy tờ khác và xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân, tổ chức do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, các tội phạm do bị cáo thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng nên cần phải xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[9] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 29/5/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST, xử phạt 02 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; bị cáo đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam K1 thuộc Bộ C theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số: 16/2023/QĐ-CA ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

[10] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

[10.1] Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản": Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình và mẹ của bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại T3 là 11.000.000 đồng, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình, bị

hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông nội là liệt sĩ đã có công với nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10.2] Đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức": Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình, bị cáo có ông nội là liệt sĩ đã có công với nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt về hai tội trên của bị cáo và tổng hợp hình phạt của bản hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử đối với bị cáo. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt như trên là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và điều luật áp dụng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản" và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay bị cáo đang chấp hành án, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[13] Về vật chứng của vụ án: Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021, đây là tài liệu, chứng cứ trực tiếp liên quan đến vụ án, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và đã được Cơ quan điều tra lưu giữ trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục lưu giữ tài liệu, chứng cứ này trong hồ sơ vụ án.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình và mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị T1 đã bồi thường đủ số tiền 11.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Thanh T3. Bị hại T3 không yêu cầu gì thêm, bà T1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[15] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trầm Phước T là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Đối với bị hại Nguyễn Thị Thanh T3, khi nhờ bị cáo làm giúp chứng chỉ hành nghề dược và khi nhận được Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021, thì bị hại không biết đây là tài liệu giả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm hình sự đối với bị hại. Riêng đối với người tên T4, bị cáo đã liên lạc và đã làm tài liệu giả của cơ quan tổ chức là Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021 và nhờ một người khác giao cho bị cáo. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được họ tên, nơi cư trú của người tên T4 và người giao tài liệu giả cho bị cáo. Hội đồng xét xử kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ về hành vi tội phạm của người tên T4 và hành vi giúp sức của người giao tài liệu giả cho bị cáo. Trường hợp đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[17] Ngoài ra, trong quá trình điều tra, bị cáo khai còn nhận làm tài liệu, giấy tờ giả cho thêm 04 người khác nữa ở các địa phương khác nhau (Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre) nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã ban hành thông báo truy tìm bị hại từ 10.6.2024 nhưng chưa có kết. Hội đồng xét xử kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ về hành vi nhận làm tài liệu, giấy tờ giả cho những người khác (nêu trên) của bị cáo. Trường hợp đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trầm Phước T phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trầm Phước T 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

2. Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trầm Phước T 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

3. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trầm Phước T phải chấp hành chung của hai tội là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

4. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trầm Phước T về hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo Trầm Phước T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian đã chấp hành hình phạt tù của bản án trước (bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 29/5/2023

của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng) được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án là ngày 10/7/2023 (ngày bị cáo đi chấp hành bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng).

5. Về vật chứng: Tiếp tục lưu giữ Chứng chỉ hành nghề dược số hiệu: 950/CCHN-D-SYT-ST cấp ngày 07/12/2021 trong hồ sơ vụ án.

6. Về trách nhiệm dân sự: Mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị T1 đã bồi thường đủ số tiền 11.000.000 đồng cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì thêm, bà T1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo nên không đặt ra xem xét.

7. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trầm Phước T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

8. Kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ về hành vi tội phạm của người tên T4 và hành vi giúp sức của người giao tài liệu giả cho bị cáo; tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ về hành vi nhận làm tài liệu, giấy tờ giả cho những người khác (nêu trên) của bị cáo. Trường hợp đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung (CQTHAHS, CQCSĐT);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn